

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TMY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TMY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TMY MINERAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TMY MINERAL.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109739529

3. Ngày thành lập: 30/08/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 15, Khối B, Tòa nhà Sông Đà, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936.355.105

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng, clanhke, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi	4663
2.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
3.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	5012
4.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
5.	Dịch vụ đóng gói (không bao gồm đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
6.	Cho thuê xe có động cơ (Trừ hoạt động đấu giá)	7710
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Dịch vụ xếp dỡ container, trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay. - Kiểm tra vận đơn, dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa, kiểm định hàng hóa, dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; dịch vụ nhận và chấp nhận hàng; dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải. - Dịch vụ hỗ trợ bán buôn, hỗ trợ bán lẻ bao gồm cả hoạt động quản lý hàng lưu kho, thu gom, tập hợp, phân loại hàng hóa và giao hàng. (trừ hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không)	5229
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222

10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
11.	Bốc xếp hàng hóa	5224
12.	Sản xuất sắt, thép, gang Chi tiết: Điều hành lò luyện kim, máy chuyển thành thép, cán và hoàn thiện; Sản xuất hợp kim sắt như: Ferocrom, Ferosilicon và các hợp kim sắt	2410
13.	Xây dựng công trình điện	4221
14.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn thiết bị thủy lực, máy nén khí, máy cơ khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị bảo hộ lao động, máy móc thiết bị phụ tùng tàu thủy, neo, tời, xích, cầu, thiết bị cứu sinh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nâng hạ	4659
18.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế Chi tiết: Hoạt động liên quan đến kế toán và tư vấn về thuế	6920
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
21.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
22.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
23.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: - Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình; - Sản xuất phim	5911
24.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
25.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
26.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ phòng trà ca nhạc, vũ trường và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	9000
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Trừ hoạt động đấu giá)	8299

28.	Sao chép bản ghi các loại (trừ các loại Nhà nước cấm)	1820
29.	Bán buôn đồ uống	4633
30.	Hoạt động hậu kỳ	5912
31.	Xuất bản phần mềm	5820
32.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
33.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
34.	In ấn (trừ in tráng bao bì kim loại, in trên sản phẩm vải, sợi, dệt, may đan)	1811
35.	Cổng thông tin Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, Thiết lập mạng xã hội (Không bao gồm hoạt động báo chí) (Điều 23, Điều 24 Nghị định 72/2013/NĐ-CP; Khoản 7 Điều 1 Nghị định 27/2018/NĐ – CP)	6312
36.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
37.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
38.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển. thiết bị xây dựng; Cho thuê thiết bị nâng cầu hàng hoá; Cho thuê container	7730
39.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí	6399
40.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
41.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
42.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
43.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
44.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
45.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
46.	Hoạt động chiếu phim	5914
47.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
48.	Hoạt động nhiếp ảnh Chi tiết: Dịch vụ in phóng ảnh, chụp ảnh, quay video (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
49.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế quảng cáo	7410

50.	Lập trình máy vi tính	6201
51.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
52.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền (Khoản 5 Điều 1 Nghị định 27/2018/NĐ – CP)	6209
53.	Xây dựng nhà để ở	4101
54.	Xây dựng nhà không để ở	4102
55.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
56.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
57.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
58.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
59.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
60.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
61.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng khu đô thị	4299
62.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
63.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh	4329
64.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
65.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng - Các công việc dưới bề mặt; - Rửa bằng hơi nước, nỏ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
66.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	7110
67.	Phá dỡ	4311
68.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
69.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
70.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
71.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

72.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4530
73.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
74.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (Điều 13, Nghị định 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu)	4661
75.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không kinh doanh vàng)	4662
76.	Khai thác quặng sắt	0710
77.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
78.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
79.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
80.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899(Chính)
81.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
82.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
83.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
84.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (không bao gồm các hoạt động đấu giá)	6820
85.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	P1005 N2 CT1 - 2, Chung cư ngõ 183, đường Hoàng Văn Thái, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.000	20.000.000	0,100	0201870001 16	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.000	20.000.000	0,100		
2	TRẦN HOÀNG TUẤN MINH	Số 8, ngõ 165 Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đông Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.900.0 00	19.000.000.000	95,000	0012030150 59	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.900.0 00	19.000.000.000	95,000		

3	HOÀNG HẢI YẾN	Số 8, ngõ 165 Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	98.000	980.000.000	4,900	0341760002 17
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	98.000	980.000.000	4,900	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ KIM LIÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/05/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 020187000116

Ngày cấp: 23/06/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: P1005 N2 CT1 - 2, Chung cư ngõ 183, đường Hoàng Văn Thái, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P1005 N2 CT1 - 2, Chung cư ngõ 183, đường Hoàng Văn Thái, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội